

Số: 08 /2018/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước;

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = Tỷ lệ phần trăm (%) (x) Diện tích (x) Giá của loại đất trồng lúa, trong đó:

1. Tỷ lệ phần trăm: 50%.

2. Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành.

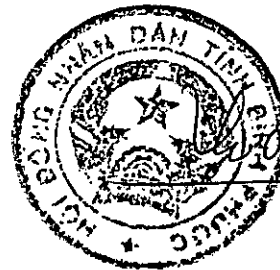
Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền